

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 22-5- 2024
“V/v tranh chấp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Chúc L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Huỳnh N trình bày:

Vào ngày 05/3/2023 âm lịch (viết tắt là AL) chị N có tham chơi 01 chân hội nửa tháng do chị L làm chủ hội, trị giá chân hội là 2.000.000 đồng (hai triệu). Dây hội có tổng cộng 29 chân hội (phần hội), chị N đã đóng hội được 11 lần bằng số tiền 22.000.000 đồng, lần đóng hội cuối cùng vào ngày 05/8/2023 AL. Đến ngày 20/8/2023 AL thì chị L không tiếp tục gom hội nữa và cũng không hoàn trả lại cho chị N số tiền đã đóng hội là 22.000.000 đồng.

Ngoài ra chị N cũng làm chủ một số dây hội và chị L tham gia với tư cách

hội viên, cụ thể chị L đã tham gia 05 dây hội do chị Như làm chủ hội như sau:

- Dây hội tháng áp ngày 25/5/2022 AL, mỗi tháng xổ 01 lần, dây hội có 18 chân hội, trị giá mỗi chân hội là 3.000.000 đồng. Trong dây hội này chị L tham gia chơi 01 chân và đã hốt hội nhưng không tiếp tục đóng hội cho đến khi mãn hội. Với vai trò chủ hội chị N đã xuất tiền cá nhân để đóng hội thay cho chị L cho đến khi mãn hội tổng cộng (02 lần x 3.000.000 đồng/lần = 6.000.000 đồng). Dây hội này hiện đã mãn.

- Dây hội nửa tháng áp ngày 15/01/2023 AL, nửa tháng xổ 01 lần, có tổng cộng 23 chân hội, trị giá mỗi chân hội là 1.000.000 đồng. Trong dây hội này chị L tham gia chơi 02 chân và đã hốt hết cả 02 chân nhưng không tiếp tục đóng hội cho đến khi mãn hội. Với vai trò chủ hội chị N đã xuất tiền cá nhân để đóng hội thay cho chị L cho đến khi mãn hội tổng cộng (06 lần x 02 chân x 1.000.000 đồng/chân = 12.000.000 đồng). Dây hội này hiện đã mãn.

- Dây hội nửa tháng áp ngày 05/6/2023 AL, nửa tháng xổ 01 lần, có tổng cộng 18 chân hội, trị giá mỗi chân hội là 2.000.000 đồng. Trong dây hội này chị L tham gia chơi 01 chân và cũng đã hốt hội nhưng không tiếp tục đóng hội cho đến khi mãn hội. Với vai trò chủ hội chị N đã xuất tiền cá nhân để đóng hội thay cho chị L cho tới khi mãn hội tổng cộng (13 lần x 2.000.000 đồng/lần = 26.000.000 đồng). Dây hội này đến nay đã mãn.

- Dây hội tháng áp ngày 15/02/2023 AL, mỗi tháng xổ 01 lần, có tổng cộng 23 chân hội, trị giá mỗi chân hội là 3.000.000 đồng. Trong dây hội này chị L tham gia đóng được 07 lần thì ngưng đóng và chị L chưa hốt hội. Trong dây hội này chị N chấp nhận hoàn trả lại cho chị L số tiền đã đóng 07 lần bằng 21.000.000 đồng.

- Dây hội áp ngày 10/4/2023 AL, loại hội tháng xổ 01 lần, có tổng cộng 20 chân hội, trị giá mỗi chân hội là 3.000.000 đồng. Trong dây hội này chị L tham gia đóng được 05 lần thì ngưng đóng. Dây hội này chị L ngưng đóng khi chưa hốt hội. Trong dây hội này chị N chấp nhận hoàn trả cho chị Linh số tiền đã đóng 05 lần bằng 15.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị N đã đóng hội cho chị L (trong dây hội chị L là chủ hội và chị N là hội viên) và số tiền đóng hội thay cho chị L (trong các dây hội chị N làm chủ hội và chị L là hội viên) là 66.000.000 đồng. Tổng số tiền chị L đã đóng trong 02 dây hội cho chị N (do chị N làm chủ hội) nhưng ngưng đóng khi chưa hốt hội tổng cộng là 36.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền hội chị L đã đóng trong hai dây hội áp ngày 12/02/2023 AL và 10/4/2023 AL thì chị L còn nợ của chị N số tiền hội là 30.000.000 đồng.

Việc chị L nợ tiền hội chị N đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp và giải quyết. Vào ngày 31/10/2023 tại trụ sở ấp Nam Quý, trước mặt các thành viên của tổ hoà giải chị L thừa nhận còn thiếu nợ của chị N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) và có đề nghị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng chị N không thống nhất. Việc chị L xác nhận nợ đã được thể hiện trong Biên bản hoà giải ngày 31/10/2023 của Tổ hoà giải ấp Nam Quý, xã Đông Thái có chữ ký xác nhận chị L, chị N và thành viên tổ hoà giải,.

Trong nội dung khởi kiện và tại phiên toà chị N đều yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị L phải trả cho chị N số tiền hội còn nợ là 30.000.000 đồng. Chị N không yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Lâm Thị Chúc L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng trong các lần mời làm việc đều vắng mặt không có lý do.

Chị L có gửi đến Toà án một số văn bản thể hiện ý kiến trình bày như sau:

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/02/2024, chị L trình bày như sau: Chị L là chủ hội chị N có tham gia chơi 01 chân hội trong dây hội ngày 05/3/2023 mức đóng 2.000.000 đồng. Chị N đóng hội được 05 lần thì không đóng nữa, do hội bị bể nên chị L không gom tiền nữa. Sau khi dây hội này bị bể chị L có gặp chị N để chốt lại số tiền mà chị N đóng 05 lần là 7.750.000 đồng, chị L đã trả cho chị N số tiền 7.750.000 đồng tại nhà của chị L. Chị L xác định không còn nợ tiền hội của chị N.

Vào ngày 04/3/2024 chị L tiếp tục làm “Tờ tường trình” gửi cho Toà án với nội dung trình bày như sau: Chị L là chủ hội, chị N tham gia chơi 01 chân trong dây hội ngày 05/3/2023 mức đóng 2.000.000 đồng, 01 tháng xổ 01 lần. Chị N đóng được 08 lần và đến tháng 7/2023 thì không đóng nữa vì chị N cho rằng có tin đồn chị L bị vỡ hội. Chị L đã hoàn trả cho chị N số tiền 16.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 09/7/2023 chuyển khoản trả 1.000.000 đồng và ngày 14/7/2023 chuyển khoản trả 15.000.000 đồng. Chị L xác định đã chuyển trả tiền hội cho chị N xong. Chị L tiếp tục khẳng định không còn nợ của chị N 30.000.000 đồng. Để chứng minh chị L cung cấp chứng cứ đã chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của chị N 02 lần với số tiền 16.000.000 đồng.

Tiếp tục vào ngày 16/5/2024 (sau khi đã có Quyết định xét xử vụ án và quyết định hoãn phiên toà) chị L gửi bản tự khai cho Toà án trình bày ý kiến khẳng định đã trả đủ tiền cho chị N và gửi kèm tài liệu được chụp từ màn hình điện thoại

di động nội dung tin nhắn qua mạng Zalo thể hiện có 02 lần chuyển tiền cho chị N, một lần chuyển 10.000.000 đồng và một lần chuyển 12.000.000 đồng.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Nguyên đơn cung cấp gồm: Biên bản hoà giải tranh chấp tiền hụi ngày 31/10/2023 của Tổ hoà giải ấp Nam Quý xã Đông Thái, Phiếu thực hiện hoà giải cơ sở của ấp Nam Quý xã Đông Thái, Bản tự khai, 08 tờ giấy sao chụp nội dung tin nhắn qua mạng Zalo trên màn hình điện thoại di động thể hiện nội dung tin nhắn qua lại xác định việc chuyển tiền giữa chị N và chị L.

Bị đơn cung cấp: Văn bản trình bày ý kiến, tờ tường trình, bản tự khai, 02 giấy báo nợ ngày 09/7/2023 và ngày 14/7/2023, 02 tờ giấy sao chụp nội dung tin nhắn qua mạng Zalo trên màn hình điện thoại di động thể hiện nội dung tin nhắn qua lại giữa chị L và chị N;

Toà án lấy lời khai của đương sự.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: Chị N xác định chị L còn nợ 30.000.000 đồng tiền hụi và yêu cầu chị L trả nợ 30.000.000 đồng. Chị L xác định không nợ tiền hụi của chị N.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ trả nợ tiền hụi, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hui”.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong nội dung khởi kiện chị N yêu cầu chị L trả nợ tiền hui là 30.000.000 đồng, cùng với yêu cầu khởi kiện chị N đã cung cấp chứng cứ gồm “Phiếu thực hiện hoà giải cơ sở” và “Biên bản hoà giải về việc tranh chấp tiền hui” do Tổ hoà giải ấp Nam Quý, xã Đông Thái thực hiện hoà giải vào ngày 31/10/2023. Tại các văn bản nêu trên do tổ Hoà giải ấp Nam Quý xã Đông Thái thực hiện đã thể hiện nội dung chị N và chị L cùng xác nhận việc chị L nợ tiền hui của chị N số tiền 30.000.000 đồng. Tại buổi hoà giải chị L có đề xuất phương án trả nợ dần cho chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được chị N đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để hoà giải, để đôi chất nhưng bị đơn L đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên chị L có gửi các văn bản trình bày ý kiến và cung cấp một số tài liệu chứng minh và xác định không còn nợ tiền hui của chị N. Sau khi nghiên cứu các tài liệu cũng như những lời trình bày của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Những lời trình bày của chị L trong các văn bản gửi đến Toà án không có sự thống nhất với nhau, cụ thể trong “Văn bản trình bày ý kiến” ngày 26/02/2024 chị L xác định chị N chơi hui của chị L đã đóng hui cho chị Linh 05 lần bằng số tiền 7.750.000 đồng, do hui bể chị L không gom tiền nữa và đã trả lại cho chị N số tiền 7.750.000 đồng; đến ngày 04/3/2024 chị L có “Tờ tường trình” gửi cho Toà án xác định chị N chơi hui của chị L đóng hui được 08 lần bằng số tiền 16.000.000 đồng sau đó chị L đã chuyển tiền trả cho chị N 02 lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của chị N bao gồm ngày 09/7/2023 chuyển trả 1.000.000 đồng và ngày 14/7/2023 chuyển trả 15.000.000 đồng, cho đến khi Toà án đã có quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên toà thì vào ngày 16/5/2024 chị L tiếp tục gửi bản tự khai kèm theo tài liệu thể hiện nội dung tin nhắn qua mạng Zalo được chụp từ màn hình điện thoại di động, trong nội dung lời thoại của tin nhắn thể hiện vào ngày 04/10/2023 chị L chuyển vào tài khoản cá nhân của chị N 10.000.000 đồng và ngày 06/10/2023 chuyển 12.000.000 đồng. Như vậy, qua các tài liệu do chị L cung cấp đã thể hiện việc chị L và chị N chơi hui của nhau đã thực hiện chuyển tiền

bằng giao dịch điện tử nhiều lần và số tiền đã chuyển lớn hơn số tiền 7.750.000 đồng hay 16.000.000 đồng như lời trình bày của chị L.

Từ các tài liệu do chị L cung cấp, chị N cũng đã cung cấp các tài liệu thể hiện nội dung tin nhắn qua mạng Zalo được chụp từ màn hình điện thoại di động, lời thoại tin nhắn thể hiện nội dung trao đổi giữa chị N và chị L mỗi khi chị L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của chị N. Cụ thể:

Đối với số tiền 1.000.000 đồng chị L chuyển vào tài khoản của chị N vào ngày 09/7/2023. Qua nội dung tin nhắn qua lại giữa hai bên thể hiện chị N gom hội trị giá 3.000.000 đồng số ngày 15, giá xô hội là 810.000 đồng và tiền chị L phải đóng hội là 2.190.000 đồng, cộng dồn nợ cũ trước đó 1.000.000 đồng thành 3.190.000 đồng, vào ngày 08/9/2023 chị N đã nhận được của chị L 2.000.000 đồng, đến 17h55' ngày 08/7/2023 các bên xác nhận chị L còn phải đóng 1.190.000 đồng là đủ và đến 14h51' ngày 09/8/2023 hai bên xác nhận chị L còn nợ chị Như 190.000 đồng, như vậy chị Linh đã chuyển cho chị Như số tiền 1.000.000 đồng trong số tiền 1.190.000 đồng. Điều đó thể hiện vào ngày 09/7/2023 chị L chuyển khoản cho chị N 1.000.000 đồng là tiền chị L đóng hội cho chị N trong đây hội trị giá 3.000.000 đồng mà chị L chơi hội do chị N tổ chức chứ không phải chuyển trả tiền nợ hội chị N chơi hội của chị L.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng chị L chuyển vào tài khoản của chị N vào ngày 14/7/2023, trong nội dung tin nhắn Zalo giữa hai bên thể hiện số tiền trên chị L chuyển cho mẹ của chị N chứ không phải là tiền chị L chuyển trả cho cá nhân chị N.

Ngoài ra chị Linh còn cung cấp thêm tài liệu thể hiện vào ngày 04/10/2023 chị L chuyển vào tài khoản cá nhân của chị N 10.000.000 đồng và vào ngày 06/10/2023 chị L chuyển vào tài khoản cá nhân của chị N 12.000.000 đồng, qua nội dung tin nhắn Zalo giữa hai bên thể hiện chị L xác nhận số tiền 10.000.000 đồng và 12.000.000 đồng chị L chuyển cho bà M - tức là số tiền trên chuyển cho người khác thông qua tài khoản của chị N chứ không phải chuyển trả cho chị N.

Việc các bên chuyển tiền qua thông qua tài khoản cá nhân của chị L và chị N đều được các bên xác nhận bằng các tin nhắn trên mạng Zalo về nội dung chuyển tiền và thể hiện việc chuyển tiền đó là chuyển cho người khác thông qua tài khoản của chị N chứ chị N không phải là người được trực tiếp được thụ hưởng số tiền do chị L chuyển tới. Hơn nữa thời điểm các bên thực hiện các lần chuyển tiền cho nhau đều xảy ra trước thời điểm ngày 31/10/2023 ngày mà tổ hoà giải ấp Nam Quý, xã Đông Thái thực hiện hoà giải cơ sở tranh chấp giữa các bên. Việc chơi hội

với nhau các bên không có giấy tờ ghi chép chung nhưng khi kết thúc việc chơi hụi với nhau cho đến khi xảy ra tranh chấp việc xác nhận số tiền nợ với nhau trước tổ hoà giải của chính quyền địa phương được thể hiện trong Biên bản hoà giải ngày 31/10/2023 là cơ sở để xác định số nợ giữa chị L và chị N.

Từ sau ngày 31/10/2023 cho đến nay chị L không cung cấp được chứng cứ nào về việc đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền hụi cho chị N nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 16, Điều 18, Điều 23 và Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hụi, biếu, phường cần buộc chị L phải trả cho chị N số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận việc chị N không yêu cầu chị L trả lãi suất chậm trả tiền.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí chị L phải nộp là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Chị N được hoàn trả tiền đã nộp tạm ứng án phí là 750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 16, Điều 18, Điều 23 và Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hụi, biếu, phường;
- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Huỳnh N.

Buộc chị Lâm Thị Chúc L có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Huỳnh N số tiền nợ hui là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận ý kiến của chị Đỗ Thị Huỳnh N không yêu cầu chị Lâm Thị Chúc L phải trả lãi suất chậm trả tiền.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị Lâm Thị Chúc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Đỗ Thị Huỳnh N được hoàn trả số tiền đã nộp tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009181 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/5/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm